

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /2019/QĐST-HNGĐ

Mường Lát, ngày 28 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2018/TLST/HNGĐ, ngày 02 tháng 05 năm 2018;

Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 01/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 03/12/2018; Giữa:

Nguyên đơn: Ông Ngân Quốc Ch, sinh năm 1960

Bị đơn: Bà Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O, sinh năm 1970

Đều trú tại: Khu 2, thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn H – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh Bạch Quốc Tế, thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội.

Địa chỉ: Số 16, lô 5, khu Đô thị An Lạc, Ngõ 67 Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngân Văn Th , sinh năm 1989 (con đẻ)

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 (con dâu)

Địa chỉ: Cùng trú tại khu khu 2, thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Ngân Thị T, sinh năm 1992 (con đẻ)

Địa chỉ: Số nhà 05/111 đường Quang Tr, phường ngọc Tr, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh hóa

- Chị Ngân Thị Ph, sinh năm 1996 (con đẻ)

Địa chỉ: Khu khu 2, thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 3; Điều 6; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ngân Quốc Ch và bà Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 03 (ba) con chung, tên các cháu là Ngân Văn Th, sinh năm 1989; cháu Ngân Thị T, sinh năm 1992 và cháu Ngân Thị Ph, sinh năm 1996. Hiện tại cả 03 (ba) cháu đủ 18 tuổi và đã xây dựng gia đình.

- Về chia tài sản: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc phân chia nhà đất (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sơ đồ kèm theo) cụ thể như sau:

+ Ông Ngân Quốc Ch được quyền sử dụng phần đất phía Nam tại thửa đất số: 461, tờ bản đồ số: 10 (271458- 1- a) ở khu 2, Thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa có diện tích Chiều rộng mặt đường và mặt đằng sau là 7,45m; chiều dài thửa đất giáp thửa đất hộ ông D, bà Nh là 23,72m; chiều dài bên giáp đất của bà O là 23,7m. Tổng diện tích là 184,9 m² (trong đó đất ở là 60m², đất vườn là 124,9m²). Có trị giá là 47.547.000đ (bốn bảy triệu năm trăm bốn bảy nghìn đồng).

+ Ông Ngân Quốc Ch được quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gồm: Nhà ở 03 (ba) tầng, công trình phụ và phần mán lợp mái tôn được xây dựng trên diện tích đất 60 m² ông Ch được quyền sử dụng trên; Tầng âm: rộng 7,45m x dài 6,44m = 47,978m²; Tầng một: rộng 7,45m x dài 8,0m = 59,6m²; Tầng hai : rộng 7,3m x dài 8,0m = 59,6m²; Chuồng lợn: rộng 7,45m x dài 6,32m = 47,084m². Có trị giá là 652.453.000đ (sáu trăm năm mươi hai triệu bốn trăm năm ba nghìn đồng); Tổng trị giá đất và nhà là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng).

+ Bà Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O có quyền sử dụng phần đất phía Bắc còn lại tại thửa đất số: 461, tờ bản đồ số: 10 (271458- 1- a) ở khu 2, Thị trấn Mường L, huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa có diện tích Chiều rộng mặt đường và mặt đằng sau là 3,0m; chiều dài thửa đất giáp thửa đất số 475 của gia đình anh H và chị L là 23,72m; chiều dài bên giáp đất của ông Ch là 23,7m. Tổng diện tích là

71,1m²(trong đó đất ở là 40m², đất vườn là 21,6m²). Có trị giá là 28.648.000đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bốn tám nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O có quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gồm: Nhà ở 03 (ba) tầng, công trình phụ và phần mái lợp mái tôn được xây dựng trên diện tích đất 40 m² bà O được quyền sử dụng trên; Tầng âm: rộng 2,8m x dài 6,44m = 18,03m²; Tầng một: rộng 2,8m x dài 8,0m = 22,4m²; Tầng hai : rộng 2,8m x dài 8,0m = 22,4m²; Chuồng lợn: rộng 2,8m x dài 6,32m = 17,44m². Có trị giá là 350.000.000đ; Tổng trị giá đất và nhà là 378.648.000đ (ba trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn tám nghìn đồng).

+ Các tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình các đương sự tự thỏa thuận tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Ngân Quốc Ch có trách nhiệm chia trả chênh lệch về tài sản cho bà Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O số tiền 46.500.000đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nợ tiền chung: Ngân Quốc Ch trả cho Ngân Văn Th và Nguyễn Thị Th số tiền 257.000.000đ (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng); trả tiền chênh lệch tài sản cho chị Lê Thị O tên gọi khác Lê Thị Kim O là 46.500.000đ (bốn sáu triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 20/5/2019.

- Về nợ riêng: Chị Lê Thị O, tên gọi khác Lê Thị Kim O thống nhất thảo thuận trả cho chị Ngân Thị T số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), kể từ ngày 20/5/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ngân Quốc Ch phải nộp 75.000đ và 21.052.500đ. Tổng cộng là 21.127.500đ (hai mươi một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí DSST và án có giá ngạch, trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà Ông Ch đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0004354 ngày 26/9/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự Thanh phố Thanh H, tỉnh Thanh Hóa. Ông Ngân Quốc Ch còn phải nộp 20.827.500đ (hai mươi triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và chị Lê Thị O , tên gọi khác là Lê Thị Kim O phải nộp 75.000đ và 20.679.720đ. Tổng cộng là 20.754.720đ (hai mươi triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm hai mươi đồng) tiền án phí DSST và án phí có giá ngạch.

- Chị Ngân Thị T được nhận lại 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/000902, ngày 16/6/2018 của Chi cục thi hành án huyện Mường L, tỉnh Thanh Hóa.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- VKSND huyện Mường L;
- Chi cục THA DS huyện Mường L;
- UBND TT Mường L;
- Các đương sự;
- Người BVQ, LIHP cho Nguyên đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Quách Văn Th